

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 27/5/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu.

Ông Doãn Đức Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh DN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa:* ông Lê Trọng Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh DN xét xử công khai vụ án thụ L số: 169/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Lộc Thị L**, sinh năm 1990.

- **Bị đơn:** **Anh Chu Viết P**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã HT, huyện TB, tỉnh DN.

(*Chị L có đơn xin vắng mặt; anh P vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn Lộc Thị L trình bày:* Chị Lộc Thị L và anh Chu Viết P tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, được UBND xã HT, huyện TB, tỉnh DN cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã nhau nên cuộc sống không hạnh phúc, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng không được. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn anh Chu Viết P trình bày:* Về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung như chị L đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh P không chăm lo làm ăn, nhưng anh mong muốn được chị L cho cơ hội đoàn tụ gia đình, anh không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng qui trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lộc Thị L vì tình trạng mâu thuẫn trong quá trình chung sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung không có, nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí buộc chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là chị Lộc Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chu Viết P. Anh P có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp HB, xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN. Do đó, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh ĐN. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Chu Viết P vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vắng mặt anh P.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy trích lục ghi chú kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN số: 33 ngày 21/02/2020, anh P và chị L đăng ký kết hôn số 81 ngày 02/12/2011 và căn cứ theo lời trình bày của các đương sự là tự nguyện kết hôn có thể xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lộc Thị L và anh Chu Viết P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh P không hạnh phúc, do mâu thuẫn gia đình kéo dài. Tòa án đã nhiều lần động viên vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 07/4/2020 đại diện chính quyền địa phương cho biết việc mâu thuẫn gia đình của chị L và anh P địa phương không nắm rõ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn bó lẫn nhau nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lộc Thị L được ly hôn với anh Chu Viết P.

- Về con chung: Không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lộc Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0007011 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

[5]. Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện TB về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lộc Thị L

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị L được ly hôn với anh Chu Viết P.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lộc Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số 0007011 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Lộc Thị L và anh Chu Viết P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND H. TB;
- THADS H. TB;
- UBND xã HT, huyện TB, tỉnh ĐN;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Châu Ngọc Hà